A1 ĐẠI DIỄN GIẢI (Mahāniddesapāḷi) - 1. Diễn Giải Kinh Về Dục

Kinh Tiểu Bộ - Tập 4 (VNC PHVN, 2021)

ĐẠI DIỄN GIẢI (MAHẢNIDDESAPẪLI)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Niddesa là tưa đề của tập kinh thứ 11 trong 15 tập1 thuộc Khuddakanikâya (Tiểu bộ) - bộ thứ năm của Suttantapitaka (tạng Kinh) sau Dĩghanikãya (Trường bộ), Mcyjhimanikãya (Trung),Samyuttanikãya (Tương ưng bộ) và Añguttaranikãya (Tăng chi bộ). Việc xác định Khuddakanikãya gom có 15 tập (pannarasappabhedo ĩdiuddakanikãyò) được căn cứ vào một so văn bản Chú giải do công soạn thảo của Ngài Buddhaghosa với thứ tự như được trình bày dưới đây: 1. Khuddakapãtha (Tiêu tụng) 2. Dhammapada (Pháp cú) 3. Udâna (Phật tự thuyết) r 4. Itỉvuttaka (Phật thuyết như vậy) 5. Suttanipâta (Kinh tập) 6. Vìmãnavatthu (Chuyện Thiên cung) 7. Petavatthu (Chuyện Nga quỹ) 8. Theragãthã (Trưởng lão kệ) 9. Therĩgãthã (Trưởng lão Ni kệ) 10. Jātaka (Bổn sanh) 11. Niddesa (Diễn giải) 12. Patisambhidãmagga (Phân tích đạo) 13. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự) 14. Buddhavarnsa (Phật sử) 15. Cariyāpitaka (Hạnh tạngỷ Niddesa là danh từ nam tánh, có ý nghĩa là "sụ* chỉ ra, sự phân tích" và được phát xuất từ động từ niddisati (ni+/dis+a) có ý nghĩa là "chi ra, giải ra, định rõ." Chúng tôi chọn tựa đề tiếng Việt cho tập Kinh Niddesa là "Diễn giảiy Kỉnh Niddesa được trình bày thành 2 cuôn: Mahãniddesa (Đại diên giải) và Cullaniddesa / CũỊaniddesa (Tiểu diễn giải). Từ PãỊi được gan thêm sau mỗi tựa đề Mahāniddesapāli và Cullaniddesapāli, để khẳng đinh rằng1 2

1 Tiểu bô thuộc Tam tạng Thánh điển PGVNcó 16 tập. (BBT) 2DAA. 17; VỉnAA. X^DhsA. 18.

4 KINH TIÊU Bộ

văn bản này thuộc vê Chánh tạng của Tam tạng (Tipitaka), Theo quan diêm cá nhân, chúng tôi hiên răng hai tính từ ^mahẩ' và "cullcT (hoặc ^cūlc^ do sự khác biệt về cách phát âm) được thêm vào trước tựa đề của các tập sách hoặc bài kinh có thể hiểu theo nghĩa "dại" và "ti&u" (lớn và nhỏ), hoặc "thượng" và (trên và dưới), hay đơn giản hơn chỉ là utập l" và "tập 2" (trước và sau). Nội dung MahãỉddesapãỊi và CullaniddesapâỊỈ được ghi nhận như sau: -Mahāniddesapāli giải thích về 210 câu kệ (gāthā) của 16 bài kinh (sutto) thuộc Atthakavagga (Phẩm Nhóm tám) của tập SuttanỉpãtapâỊi (Kinh tập) thuộc Tiểu bộ, tạng Kinh. -CuỉlaniddesapâỊi giải thích về 119 câu kệ thuộc Pārâyanavagga (Phầm Đường đi đen bờ kia), cộng thêm vào 41 câu kệ của bài Khaggavisānasutta (Kinh Sừng tê ngưu) thuộc Uragavagga (Phẩm Ran) cũng của tập SuttanipãtapãỊi thuộc Tiểu bộ, tạng Kinh. Tác giả của Niddesa được ghi nhận là Ngài Sāriputta, vi Thượng thủ Thinh văn của đức Phật. Điều này được thấy ghi lại ở phần mở đầu (ganthārambhakathã) của tài liệu Chủ giải Saddhammapajjotikā của tập kinh này.3 Phần cuối của tập sách cho biết: Chủ giải này4 còn có tên gọi khác nữa là

Niddesavannanā và đã được thực hiện bởi vi Đại Trưởng lão Upasena lúc vị ấy cư ngụ ở một gian phòng được xây dựng bởi Kittisena tại phía Tây của Mahāthūpa thuộc Mahāvihāra (Đại tự), ở khu vực phía Nam của kinh thành Anurãdhapura vào năm thứ 26 thuộc triều đại của đức Vua Sirinivãsa Sùisaốghabodhi.5 Cũng có thể gọi tập Chủ giải này với tên Niddesa-atthakathā. hoặc có thể gọi thẹo tên gọi riêng của tưng tập là Mahāniddesa-atthakathā và Cullaniddesa-atthakathā theo sự phân chia thành hai tập như đã được đề cập ở trên. về thời điểm của tập Niddesa như đã được xác định bởi vị Đại Trưởng lão upasena, tác giả của tài liệu Chú giải Saddhammapajjotikā, thì tập này đã có từ thời đức Phật còn tại tiền. Căn cứ vào những chứng cứ cụ thể qua văn tự được báo hiệu bởi cụm từ: ^Vuttam hetam bhagavati (bởi vì điều này đã được đức ĩ * r e f 9

Thê Tôn nói đên) và không có ghi thêm xuât xứ nào khác, chúng ta có thê đưa ra nhận xét rằng tập Niddesa được hình thành rất sớm, lúc lời dạy đức Phật đã được liru truyền trong chúng đệ tử của Ngài, nhimg còn chưa được phân chia thành Tam tạng như cách trình bày hiện tại. Ngày nay, chúng ta có thể sử dụng máy vi tính để tìm thấy những trích dẫn ấy ở các văn bản Pali thuộc tạng Kinh như là: Dĩghanỉkãya, Majjhimanikāya. Samyuttanikāya, Añguttaranikāya^ và các tập kinh thuộc Khuddakanikãya như là: Dhammapadaṃ Jātaka, Udānaṃ Itỉvuttaka^ Theragāthā. v.v... Bên cạnh đó, còn có một số câu trích dẫn được tìm thấy ở tạng

3 MNidA.1.1 4CNidA. 151. 5 Vị vua này được xác định là Aggabodhi (564-598) (Encyclopaedia of Buddhism, vol. VII, The Department of Buddhist Affairs, Ministry of Buddhasāsana, Sri Lanka, 2003, trang 170).

Abhỉdhamma (Vì diệu pháp) nữa. Một yếu tố về thời gian khác nữa là Chú giải Samantapāsādikā ve tạng Luật có ghi lại câu chuyện rang: Có một thời kỳ chỉ còn lại chỉ một vị thuộc lòng tập Niddesa? và điều này làm tiền đề cho việc kết tập Tam tạng lần thứ IV tại Sn Lanka, rồi được ghi xuống bằng chữ viết trên lá buông vào thế kỷ ITTL. Như vậy, có thể kết luận rằng tập Kinh Niddesa vốn đã được lưu truyền trước thời kỳ kết tập ấy. Xét về thể loại, Giáo sư Oliver Abeynayake nhận xét ở sách A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya như sau: "Niddesa được xép vào thể loại Sutta trong chín thể loại (navañga) bởi Chú giải sư Buddhaghosa. ở tập Chú giải của Nettipakarana. Chú giải sư Dhammapāla công nhận quan điểm của Ngài Buddhaghosa. về vấn đề này, vị upasena, tác giả của tập Chủ giải Niddesa có quan điểm khác biệt. Vị ấy có ý kiến là Niddesa nên được xếp vào thể loại A

Gāthā và Veyyākarana (gāthāveyyākaranañgaddvaya sañgahīto). Điêu đáng lưu ý ở đây là ý kiến cùa vị upasena đã bị phê phán ở Sāratthadīpañī (Sớ giải của Chú giải Samantapāsādika) được viêt bởi vị Sāriputta ở thời kỳ Polonnaruwa (thê kỷ XII). Tác giả của Sāratthadīpañī có vẻ tán thành quan điểm của Buddhaghosa và Dhammapāla, mặc dầu vị ấy thừa nhận việc sắp xếp Niddesa vào thể loại Veyyākarana là hợp lý, dựa trên nên tảng là các câu hỏi và các câu trả lời (pucchāvissajjanā) được tìm thấy ở Niddesa. Vị ấy hướng sự chú ý của chúng ta đên câu hỏi là Niddesa có nên hay không

nên được xép vào thê loại Gāthā. Phần trình bày ở Sāratthadīpanī dẫu sao cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc trình bày về sự tranh luận phổ biến có tính chất truyền thống liên quan đến tập Niddesa của chúng ta,9 (160-161). Vê nội dung, Niddesa được xem là một tài liệu chú giải cô. Cách thức giải thích của Nỉddesa có nhiều khác biệt so với các văn bản chú giải của các Chú giải sư Buddhadatta, Buddhaghosa, Dhammapāla, v.v... từ thế kỷ V Tây lịch trở về sau. Cách thức giải thích được thấy ở Niddesa thường là một danh sách dài các từ đong nghĩa, và sự giải thích như vậy được lặp lại mỗi khi từ cần giải thích xuất hiện. Một điểm được ghi nhận khác nữa là Niddesa chú trọng đến việc giải thích từng từ, nhóm từ hoặc một phần của kệ ngôn; qua việc làm đó, ý nghĩa của câu kệ được phô bày, chứ không có phần giải thích ý nghĩa tổng thể của toàn bộ câu kệ. Nhiều chỗ, việc giải thích được thực hiện bằng cách trích dẫn các lời dạy của đức Phật. Niddesa cũng không trình bày các giai thoại, các tích truyện có liên quan đến vấn đề đang được giải thích. Các thuật ngữ về văn phạm không được tìm thấy, nhưng lại có định nghĩa của một số từ vựng, ví dụ như: iti. addhaṃ āyasmā, na, v.v... Hoặc một số thuật ngữ hầu như chỉ có riêng ở Niddesa mà không thấy ở các tập kinh khác, ví dụ như việc phân tích và giải nghĩa về 6 hạng Muni: Agāramuni (Hiên trí tại gia), Anagāramuni (Hiên trí xuất gia), Seldiamuni (Hiên

6 VinA. m. 695.

, ,T 7 1 X , •, trí Hữu học), Asekhamuni (Hiên trí Vô học), Paccekamuni (Hiên trí Độc giác), Munỉmuni (Hiên trí của các bậc Hiên trí, Hiên trí Toàn Giác); 2 loại kāmā (dục): vatthukāma (vật dục) và kilesakāma (ô nhiễm dục); 5 loại con mắt đã được khai mở (vivatacakkhu) của đức Phật: marnsacakkhu (nhục nhãn), dibbacakkhu (thiên nhãn), paññācakkhu (tuệ nhãn), Buddhacakkhu (Phật nhãn), samantacakkhu (toàn nhãn), v.v... Tuy nội dung của Niddesa có tính chất chú giải, nhưng vẫn là văn bản được xếp vào Tiểu bộ. tạng Kinh, thuộc Chảnh tạng như đã được ghi lại bởi Chú giải sư Buddhaghosa. Nội dung của tập thứ nhát, Mahāniddesapāli. được chia thành 16 phân dựa theo 16 bài kinh (sutto) ở văn bản gốc (Suttanipātapāḷi. Kinh tập) cụ thể như sau:
/ĩ T x 1. Kāmasuttaniddeso (Diên giải kinh vê dục) 2. Guhatthakasuttaniddeso (Diên giải kinh nhóm tám vê hang) 3. Dutthatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa) 4. Suddhatthakasuttaniddeso (Diễn giải kỉnh nhóm tám về trong sạch) 5. Paramatthakasuttaniddeso (Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng) 6. Jarāsuttaniddeso (Diên giải kinh vê sự già) 7. Tissametteyyasuttaniddeso (Diên giải kinh vê Tissametteyyă) K 9 1 l /ĩ 8. Pasũrasuttaniddeso (Diên giải kinh vê Pasũră) 9. Māgandỉyasuttaniddeso (Diên giải kinh vê Mâgandiyă) 10. Purãbhedasuttanỉddeso (Diễn giải kinh trước khi hoại rã) 11. Kalahavỉvãdasuttaniddeso (Diễn giải kỉnh cãi cọ và tranh cãi) 12. Cūlaviyūhasuttaniddeso (Diễn giải kinh sự dàn trận nhỏ) 13. Mahãviyũhasuttaniddeso (Diễn giải kinh sự dàn trận lớn) 14. Tuvatakasuttaniddeso (Diễn giải kinh một cách nhanh chỏng) 15. Attadandasuttaniddeso (Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân) 16. Sãriputtasuttaniddeso (Diên giải kinh vê Sāriputta) Các kệ ngôn trong tổng số 210 kệ ngôn của 16 phần trên được giải thích tuần tự đúng theo thứ tự ở

tập SuttanipãtapãḶi và được trình bày theo chữ nghiêng hay tô đậm để tiện việc phân biệt. Một cách tóm tát, tập MahãniddesapâḶi giúp cho người học Phật củng cô vê mặt tri kiến, cũng như về lãnh vực tu tập với lời giải thích chi tiết phần giáo lý về các dục và sự đắm nhiễm tham ái của bản thân, từ đó dẫn đến các trạng thái Ô nhiêm và chập thủ tà kiên khiên con người không năm được bản thê thật của thế gian, sanh-già-bệnh-chết, rồi lao vào các cuộc tranh cãi, sanh khởi ngã mạn, chìm đăm vào trạng thái mê muội và xa lìa sự giác ngộ.

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU 7

về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, chúng tôi đã ghi nghĩa Việt của các kệ ngôn bằng văn xuôi nhằm diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của văn bản góc. Trong phân nhiêu các trường hợp, hai dòng kệ ngôn gôm bôn pâda là được hoàn chỉnh về ý nghĩa. Nhưng có một vài trường hợp, ý nghĩa được nối từ kệ ngôn này sang kệ ngôn khác, thì chúng tôi dịch gom chung các kệ ngôn có liên quan lại với nhau. Trong trường hợp một sô các kệ ngôn PãḶi gôm 3 hoặc 4 dòng có ý nghĩa được tách biệt theo từng dòng một, chúng tôi ngắt câu dịch Việt thành từng dòng riêng biệt tương ứng với từng câu PâḶi để tiện việc đối chiếu, so sánh, tìm hiểu và học hỏi. về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mâu chót giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu PâḶi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này, đồng thời tạo sự thuận tiện cho công việc hiệu đính trong tương lai. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chiu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ có hạn. Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hâu thành đạt cứu cánh giải thoát, châm dứt khô đau.

Kính bút, Ngày 16 tháng 4 năm 2018 Tỳ-khiru Indacanda (Trương Đình Dũng)

1. DIỄN GIÃI KINH VÈ DỤC (KĀMASUTTANIDDESO)

1.1. Đôi với người ham muôn vê dục, nêu điêu ây thành tựu đên người ây, đương nhiên [người ấy] có ỷ vui mừng sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn. Đối với người ham muốn về dục. Dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. Các loại nào là vật dục? Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp v, các vật trải lót, các vật đắp, các tôi trai và tớ gái, dê, cừu, gà, heo, voi, bò, ngựa, lừa, ruộng, đất, vàng, bạc, làng mạc, thi trấn, kinh thành, quôc độ, xứ sở, khu trại và nhà kho; bát cứ vật gì đưa đên sự luyên ái là vật dục. Thêm nữa là các dục quá khứ, các dục vi lai, các dục hiện tại, các dục nội phần, các dục ngoại phần, các dục nội và ngoại phần, các dục hạ liệt, các dục trung bình, các dục cao quý; các dục thuộc địa ngục, các dục thuộc loài người, các dục thuộc cõi trời; các dục hiện tiền, các dục được tạo ra, các dục được người khác tạo ra, các dục không được tạo ra, các dục thuộc sở

hữu, các dục không thuộc sở hữu, các dục được chấp là của ta, các dục không được chấp là của ta; tính luôn tất cả các pháp dục giới, tất cả các pháp sắc giới, tất cả các pháp vô sắc giới; các dục có nền tảng là tham ái, có cảnh giới là tham ải9 với ý nghĩa đưa đến sự ham muốn, với ý nghĩa đưa đến sự luyến ái, với ý nghĩa đưa đến sự say đắm. Các điều này được gọi là vật dục. Các loại nào là ô nhiễm dục? Mong muốn là dục, luyến ái là dục, mong muôn và luyên ái là dục, tư duy là dục, luyên ái là dục, tư duy và luyên ái là dục; [ô nhiễm dục] là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn về dục liên quan đến ngũ dục. "Này dục, ta đã nhìn thấy gốc rễ của ngươi. Này dục, ngươi sanh lên từ sự tư duy. Ta sẽ không tư duy về ngươi nữa. Này dục, như vậy ngươi sẽ không hình thành?51 Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

1 Bổn sanh uThợ cạo Gañgamāla^, (Gañgamālafātakarñ), số 421, TTPV, tập 32, trang 311, câu kệ 1185. (ND)

10 KINH TIÊU Bộ

Đối với người ham muốn: Đối với người đang ham muốn, đối với người đang ước muốn, đối với người đang ung thuận, đối với người đang ước nguyện, đối với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu. "Đối với người ham muốn về dqc" là như thế. Nếu điều ấy thành tựu đến người ấy. Đen người ấy: Đen người ấy tức là đến vị Sát-đế-ly, hoặc đến vị Bà-la- môn, hoặc đến thương nhân, hoặc đến kẻ nô lệ, hoặc đến người tại gia, hoặc đến vị xuất gia, hoặc đến vị trời, hoặc đen loài người. Điều ấy: Tức là nói đến các vật dục: Các sắc hợp ý, các thinh hợp ý, các hương hợp ý, các vị hợp ý, các xúc hợp ý. Thành tựu: Tức là có kết quả, thành tựu, đạt được, tiếp nhận, đạt đến, tìm thấy. "Nếu điều ấy thành tựu đến người ấy" là như thế. Đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng. Đương nhiên: Từ "đương nhiên" này là lời nói nhất định, lời nói không ngờ vực, lời nói không nghi ngờ, lời nói không hai nghĩa, lời nói không gây ra sự lưỡng lự, lời nói bảo đảm, lời nói không sai trái, lời nói khẳng đinh. Vui mừng: Vui mừng là sự hân hoan, sự tùy hỷ, sự vui thích, sự cười đùa, sự hài hước, sự vui lòng, sự vui sướng, sự phấn khởi, sự hoan hỷ, sự sung sướng của tâm có liên quan đến năm loại dục. Ý: Tức là tâm, ý? ý thức, trói tim, chất xám; ý9 ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên; điều này được gọi là ý. Y này với sự vui mừng này là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng. Có ý vui mừng: Có ý vui mừng là có ý vui vẻ, có ý vui thích, có ý thh thú, có ý hoan hỷ, có ý phấn khởi, có ý hài lòng, có ý mừng rỡ. "Đương nhiên [người ấy] có ý vui mừng" là như thế. Sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn. Sau khi đã đạt được: Là sau khi nhận được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận. Con người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại. Điều mà con ngỉrời ước muốn: Điều mà con người ước muốn là điều mà con người ưng thuận, điều mà con người ước nguyện, điều mà con người mong cầu, điều mà con người nguyện cầu: Hoặc là sác, hoặc là thinh, hoặc là hương, hoặc là vị, hoặc là xúc. “Sau khi đã đạt được điều mà con

người ước mu6n" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

ĐẠI DIỄN GIẢI 11

, Ằ 1 Ẩ -í /í Á 1 y 1 Í(ĐÔỈ với người ham muôn vê dục, nêu điêu ây thành tựu đên người âyf đương nhiên [người ấy] có ỷ vui mừng sau khi đã đạt được điều mà con người ước muốn.

1.2. Nếu đổi với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn, đối với người có sự mong muốn đã sanh khởi; các dục ấy bị suy giảm thì [người ấy] bi kho sở như là bị đâm xuyên bởi mũi tên. Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn. Nếu đối với người ấy: Tức là đối với vị Sát-đế-lỵ, hoặc đối với vị Bà- la-môn, hoặc đối với thương nhân, hoặc đối với kẻ nô lệ, hoặc đối với người tại gia, hoặc đối với vị xuất gia, hoặc đối với vị trời, hoặc đối với người nhân loại ấy. Đối với người đang ham muốn: Là đối với người dang ước muốn, đối với người đang ưng thuận, đối với người đang ước nguyện, đoi với người đang mong cầu, đối với người đang nguyện cầu các dục; hoặc là người bị đưa di, bi dẫn đi, bị lôi di, bị mang đi bởi sự tham ái về dục. Giống như người bi đưa di, bị dẫn đi, bị lôi di, bị mang đi bằng xe voi kéo, bằng xe na kéo? bằng xe bò kéo, bằng xe dê kéo, bằng xe cừu kéo, bằng xe lạc đà kéo, bang xe lừa kéo; tương tự như vậy là người bị đưa di, bị dẫn di, bi lôi đi, bi mang đi bởi sự tham ái về dục. "Nếu đối với người ấy, [tức là] đối với người đang ham muốn^, là như thế. Đối với người có sự mong muốn đã sanh khỏi. Mong muốn: Là sự mong muốn về dục, sự luyến ái về dục, niềm vui về dục, sự tham ái về dục, sự yêu mến về dục, sự nồng nhiệt về dục, sự mê mẩn về dục, sự bám chặt vào dục, sự lôi cuốn của dục, sự gắn bó với dục, sự chấp thủ ở dục, sự che lấp do mong muốn ở các dục. Đối với người ấy, sự mong muốn về dục đã sanh ra, đã sanh khởi, đã hạ sanh, đã phát sanh, đã xuất hiện. Đôi với người: Là đôi với chúng sanh, đôi với đàn ồnệ, đôi với thanh niên, đối với người nam, đối với cá nhân, đối với mạng sốnẹ, đoi với người còn sanh tử, đối với con người, đối với người đi theo nghiệp, đoi với nhân loại. "Đối với người có sự mong muốn đã sanh kh&i" là như thế. Các dục ấy bi suy giảm: Hoặc là các dục ấy bị suy giảm, hoặc là người ấy bị suy ệiảm vê các dục. Các dục ây bị suy giảm băng cách nào? Ngay trong khi người áy đang gìn giữ, các vị vua lấy đi các tài sản của người ấy, hoặc các kẻ trộm lấy di, hoặc lửa thiêu đốt, hoặc nước cuốn trôi, hoặc những nguồi thừa tự không được yêu mến lấy đi, hoặc không đạt được vật đã chôn giau, hoặc các công việc bị đổ vỡ do xử lý kém, hoặc kẻ phá gia xuất hiện ở gia đình làm phân tán, tàn phá, hủy hoại các tài sản ấy, tính luôn tính chất vô thường là thứ tám.2 Các dục ấy bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị mất mát, đổ vỡ, biến mất, tiêu hoại ỉa như vậy.

2 ở đây, có đến 9 yếu tố đã được trình bày. Lẽ ra phải ghi: "Tính chất vô thường là thứ chín". (ND)

12 KINH TIÊU Bộ

Người ấy bi suy giảm về các dục bằng cách nào? Ngay trong khi các tài sản ấy còn đang tồn tại thì người ấy từ trần, chết di, biến mât? tiêu hoại. Như vậy, nệười ấy bị giảm thiểu, bị suy giảm, bị thiếu thốn, thất bại, mất mát, bị tiêu hoại ve các dục. 1. "Cdc kẻ

trộm, các vi vua lấy đi, lửa đốt, bi mất mát, rồi cuối cùng thì người cũng phải từ bỏ thân mạng cùng với vật sở hữu. 2. Hiểu thông được điều này, các bậc thông minh nên thọ dụng và nên bổ thỉ. Sau khi bô thỉ và thọ dụng tùy theo khả năng thì không bi chê trách và đi đen coi trời. Các dục ấy bi suy giảm, thì [người ấy] bỉ khổ sở như là bi đâm xuyên bời mũi tên: Giống như bị đâm xuyên bởi mũi tên làm bằng sắt, hoặc bị đâm xuyên bởi mũi tên làm bằng xương, hay bởi mũi tên làm bằng ngà, hay bởi mũi tên làm bằng sừng, hay bởi mũi tên làm bằng gỗ thì bị khổ sở, bi bực tức, bị đụng chạm, bi hành hạ, bị bệnh hoạn, bi ưu phiên, tương tự y như thế, do trạng thái biến hoại và đoi khác của các vật dục, sầu-bi-khổ-iru-não sanh lên. Bi đâm xuyên bởi mũi tên [ngũ] dục và mũi tên sâu muộn, người áy bị khô sở, bi bực tức, bị đụng chạm, bi hành hạ, bị bệnh hoạn, bi ưu phiền. “Bj khổ sở như là bị đâm xuyên bởi mũi ten" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: “Nêu đôi với người áy, [tức là] đôi với người đang ham muôn, đôi với người có sự mong muốn đã sanh khởi. Các dục ấy bi suy giảm, thì [người ấy] bị kho sở như là bỉ đâm xuyên bởi mũi tên.

1.3. Người nào lánh xa các dục tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn, người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian. Người nào lánh xa các dục. Người nào: Người nào là nẹười như thế, được gắn bó như thế, được đinh đặt như thế, có biểu hiện như the, đã đạt đến địa vi ay, đã thành tựu phẩm chất ấy; hoặc là vị Sát-đế-ly, hoặc là vị Bà-la-môn? hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô lệ, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vị thiên, hoặc là người nhân loại. Lánh xa các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt) ... Các điều này được gọi là vật dục.... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Lánh xa các dục: Lánh xa các dục bởi hai lý do: Bởi sự đè nén hoặc bởi sự đoạn trừ. Thế nào là bởi sự đè nén mà lánh xa các dục? Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống xương [không còn thịt] với ý nghĩa chút ít hứng thii" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn

thấy ucác dục như là miếng thịt [bị diều hâu tha đi] với ý nghĩa vật chung của số d6ng" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là cây đuốc cỏ với ý nghĩa thiêu d6t" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là hố than hừng với ý nghĩa nóng bức dữ dQi” thi bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy ucác dục như là giấc mơ với ý nghĩa hiện diện ngắn nghi" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy ucác dục như là vật vay mượn với ý nghĩa tạm th&i" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là trái trên cây với ý nghĩa gãy đổ" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thay "các dục như là lò sát sanh với ý nghĩa chặt chém,, thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là mũi lao nhọn với ý nghĩa đâm thủng" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy ucác dục như là đâu rắn độc với ý nghĩa có sự sợ hi" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống lửa với ý nghĩa nóng bức dữ doi" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Phật thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Pháp,...(nt)... ngay cả trong khi tu tập tùy niệm

Tăng, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm giới, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm xả thí, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm thiên, ngay cả trong khi tu tập niệm hơi thở vào hơi thở ra, ngay cả trong khi tu tập niệm sự chét? ngay cả trong khi tu tập niệm đặt ở thân, ngay cả trong khi tu tập tùy niệm Niết-bàn thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Ngay cả trong khi tu tập Sơ thiên thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục, ngay cả trong khi tu tập Nhị thiên, ngay cả trong khi tu tập Tam thiền, ngay cả trong khi tu tập Tứ thiền, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Không vô biên xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Thức vô biên xứ, ngay cả ttong khi tu tập sự chứng đạt Vô sở hữu xứ, ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Bởi sự đè nén mà lánh xa các dục là như vậy. Thế nào là bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục? Ngay cả trong khi tu tập đạo Nhập lưu thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục đưa đến khổ cảnh. Ngay cả trong khi tu tập đạo Nhất lai thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục thô thiển. Ngay cả tronẹ khi tu tập đạo Bất lai thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục có tính chát vi tê. Ngay cả trong khi tu tập đạo A-la-hán thì bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các dục, tát cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót. "Người nào lánh xa các due” là như thê. Tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn. Con rắn: [Sappa] được gọi là ahi. Con rắn với ý nghía gì? Sappo là vì "ii6 di chuyển theo lối bò trườn", bhụịago là vì "n6 di chuyên ngoằn ngoèo'? urago là vì unó di chuyển bằng ngụrc", pannago là vì "ĩi6 di chuyển với cái đầu ở tư

thế nằm,59 sirimsapo là vì unó ngủ bằng cái dầu", bỉlãsayo là vì "n6 nằm trong động9\ gụhâsayo là vì "n6 nằm trong hang”dāthāvudho là vì "răng nanh của nó là vũ khí", ghoraviso là vì "chất độc của nó là dữ d0i", dvịịivho là vì Tuốd của nó c6 hai phấp", dvirasañññū là vì unó nếm vị bằng hai cái lưỡi.953 Người đàn ông ham muôn sống, ham muốn không bị chết, ham muốn lạc, chán ghét khổ nên tránh né, nên lánh xa, nên tránh thật xa cái đâu con rắn bằng bàn chân như thế nào thì người ham muốn lạc, chán ghét khổ nên tránh né, nên tránh xa, nên lánh xa, nên ưánh thật xa các dục y như thế ấy. "Tựa như các bàn chân [lánh xa] đầu của con rắn" là như thế. Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ờ thế gian. Người ấy: Là người lánh xa các dục. Sư vướng mắc: Nói đến tham ái, tức là sự luyến ải, luyến ái mãnh liệt, sự say đăm, sự chiều chuộng, niềm vui, niềm vui và luyến ái, sự luyến ái mãnh liệt của tâm, ước muốn, mê mẩn, bám chặt, thèm khát, thèm thuồng, quyến luyến, đắm nhiễm, dục vọng, xảo trá, liên quan tái sanh, sự tạo ra khổ, người thợ may, cái lưới bẫy, sự cuốn trôi, sự vướng mắc, sợi chỉ trói, sự lan rộng, có sự ra sức, bạn đời, nguyện vọng, lối dẫn đến hữu, rừng cây, bụi rậm, sự thân thiết, sự thương yêu, sự trông mong, sự thân mật, sự mong mỏi, sự mong ước, trạng thái mong ước, sự mong mỏi vê sắc, mong mỏi về thinh, mong mỏi về hương, mong mỏi về vị, mong mỏi về xúc, mong mỏi về lợi lộc, mong mỏi về tài sản, mong mỏi về con trai, mong mỏi về mạng sống, tham muốn, khởi tham muốn, nguyện cầu, biểu hiện tham muốn, trạng thái tham muốn, tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, xao xuyến, ham muốn vật vừa ý, luyến ái sai pháp, tham sai trái, đeo đuổi, khao khát, ước nguyện, mong cầu, ước nguyện tốt đẹp, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, ái cối sắc, ái cõi vô sắc, ái Niết-bàn, ái cảnh sắc, ái cảnh thinh,

ái cảnh khí, ái cảnh vị, ái cảnh xúc, ái cảnh pháp, dòng nước lũ, sự ràng buộc, ới buộc, chấp thủ, ngăn trở, ngăn che, che đậy, cột ới, làm ô nhiễm, tiềm ẩn, thâm nhập, quấn lấy, sự keo kiệt, cội nguồn của khổ, căn nguyên của khổ, nguồn sanh khổ, cạm bẫy của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, lãnh địa của Ma vương, ái ví như dòng sông, ái ví như tấm lưới, ái ví như dây xích, ái ví như biển, tham đam, tham, cội nguồn của bất thiện. Sự vướng mắc: Sự vướng mắc với ý nghĩa gì? "Được trải rộng^ là vướng mắc, “bao quaf là vướng mắc, "được lan rộng" là vướng mắc, "n6 lôi kéo theo" là vướng mắc, "n6 mang lại chất độc" là vướng mắc, "truyền bá chất độc" là vướng mắc, ugốc rễ của chất độc'9 là vướng mắc, “kết quả của chất độc,5 là vướng mắc, “sịt thọ dụng độc hại" là vướng mắc. Hoặc hơn nữa, “tham ái ấy là bao quát ở sắc, ở thinh, ở hương, ở vi, ở xúc, ở gia tộc, ở đồ chúng, ở chỗ ngụ, ở lợi lộc, ở danh vọng, ở lời khen, ở hạnh phúc; ở y phục, ở đồ ăn khất thực, ở chỗ nằm ngồi, ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh; ở dục giới, ở sắc giới, ở vô

3 ở PâỊi các từ sappo, ahi, bhụịọgo, urago, pannago, sirimsapo, bilãsayo, guhāsayo, dãthãvudho, ghoravỉso, dvijivho, dvirasañññū đều là tên gọi của loai ran.

ĐẠI DIỄN GIẢI 15

Sắc giới; ở cõi dục, ở cõi sắc, ở cõi vô sắc, ở cõi hữu tưởng, ở cõi vô tưởng, ở cõi phi tưởng phi phi tưởng; ở cõi một uẩn, ở cõi bốn uẩn, ở cõi năm uẩn; ở quá khứ, ở vị lai, ở hiện tại; ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, được trải rộng, được lan rộng59 là vướng mắc. ở thế gian: ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp an chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được an tinh, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tủy niệm thiên, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo;4 điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiên gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm. Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ờ thế gian: Sự vướng mắc này là ở ngay tại thê gian. Người có niệm

vượt qua, vượt lên, vượt khỏi, vượt qua hẳn, vượt qua khỏi sự vướng mắc này ở ngay tại thế gian. "Người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian" là như thế. Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: "'Người nào lảnh xa các dục tựa như các bàn chân [lảnh xa] đau của con rắn, người ấy có niệm, vượt qua hẳn sự vướng mắc này ở thế gian." r ĩ 1.4. Người nam nào thèm muôn ruộng, đất, hoặc vàng, gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu, người nữ, thân quyến, vô sổ các dục. Ruộng, đất, hoặc vàng.

4 "Con đường độc dap59 hiểu theo nghĩa "con đường chỉ có một lối đi duy nhất, không rẽ thành hai nhanh", không hiểu theo nghĩa "con đường duy nhất, con đường độc nhất." Ekãyanamaggo ti ekamaggo; ayam maggo na dvedhãpathabhũto tỉ evam attho datthabbo(NỉdA. L 52).

16 KINH TIÊU Bộ

Ruộng: Là ruộng lúa sãli, ruộng lúa mùa, ruộng đậu xanh, ruộng đậu māsā, ruộng lúa mạch, ruộng lúa mì, ruộng mè. Đát: Là đát nhà, đát công ra vào, đát phía trước nhà, đát phía sau nhà, đát vườn, đất thổ cư. Vàng: Vàng nói đến tiền vàng. "Ruộng, đất, hoặc vàng,5 là như thế. Gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu. Gia súc: Là nói đến trâu bò. Ngựa: Là nói đến các con thú như là dê, v.v... Tôi tớ: Có bốn loại tôi tớ: Tôi tớ bẩm sinh, tôi tớ được mua bằng tài sản, hoặc tự nguyện trở thành tôi tớ, hoặc trở thành tôi tớ do sự ép buộc. "Nhiều người trở thành tôi tớ do mẹ là tôi tớ, Thậm chí do được mua bởi tài sản mà trở thành tôi tớ, Và nhiều người tự nguyện trở thành tôi tớ, Cũng có những ngườd do sự sợ hãi mà bị bắt đi trở thành tôi tÓL" Người hầu: Có ba hạng người hàu: Người làm thuê, người làm công, người sống nhờ. "Gia súc, ngựa, tôi tớ, người hầu" là như thế. Ngườì nữ, thân quyến, vô số các dục. r Người nữ: Là nói đên sự sở hữu thân người nữ. Thân quyến: Có bốn loại thân quyến: Thân quyến của cha mẹ là thân quyến, thân quyến của dòng tộc là thân quyến, thân quyến do [cùng học] chú thuật, thân quyến do [cùng học] nghề nghiệp. Vô sổ các dục: Là nhiều loại dục. Vô số các dục này là các sắc hợp ý?... (nt)... các xúc hợp ý. "Nguòd nữ, thân quyến, vô số các due" là như thế. Người nam nào thèm muốn. Người nào: Người nào là người như thê, được găn bó như thê, được đinh đặt như thế, có biểu hiện như thế, đã đạt đến địa vị áy, đã thành tựu phẩm chất ấy, hoặc là vị Sát-đế-lỵ, hoặc là vi Bà-la-môn9 hoặc là thương nhân, hoặc là kẻ nô le, hoặc là người tại gia, hoặc là vị xuất gia, hoặc là vi thiên, hoặc là người nhân loại. Người nam: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, nam nhân, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại. Thèm muốn: Là thèm khát, thèm muốn, thèm thuồng về ô nhiễm dục, về các vật dục. "Người nam nào thèm mu6íì" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 17

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng: ''Người nam nào thèm muôn ru0ng, đâtf hoặc vàng, gia súc, ngựa, tôi tớ, người hâu, người nữf thân quyên, vô sô các dục."

L5. Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy, các hiểm họa chà đạp người ấy; do việc ấy, khổ đau đi theo người ấy tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyên đã bi vỡ. Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy. Yếu ớt: Các ô nhiễm la yếu ớt, yếu sức, thiếu lực,

thiếu dõng mãnh, thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, thấp kém, thấp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi. Các ô nhiễm ấy khống chế, áp chế, ngự tri, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. "Các [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy" là như vậy. Hoặc là [đề cập đến] nhân vật yếu ớt, yếu sức, thiêu lực, thiếu dõng mãnh, thấp hèn, hèn kém, hèn mọn, thấp kém, tháp thỏi, tồi tệ, nhỏ nhoi, là người không có tín lực? tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, quý lực; các ô nhiễm ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhan ấy. uCác [ô nhiễm] yếu ớt khuất phục người ấy" còn là như vậy. Các hiểm họa chà đạp người ấy. Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp. Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự; bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết ly, đau bụng bão, dịch tả5 phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn^bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ dám, bệnh phát khởi từ gió, [bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió] bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp; lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiêu tiện, các xúc chạm vơi ruôi, muôi, gio, năng va các loai bo sát, hoặc la như thế; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện. Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? uế hạnh về thân, lie hạnh về khẩu, uế hạnh về ý; pháp che lấp "mong muốn về dục", pháp che lấp "sân hận,\ pháp che lấp "dãi dượi buồn ngỉT, pháp che lấp "phóng dật và hối han", pháp che lấp "hoài nghi"; sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bon xẻn, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng; tất cả o nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bực bội, [mọi sự nóng nảy] tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điêu này được gọi là hiểm họa khuất lap.

18 KINH TIỀU Bộ

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế các hiểm họa bởi vì Cíchúng đưa đến sự suy gim", các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú." Các hiểm họa bởi vì "chúng áp ghế" nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy khống chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp? chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì "chúng áp chế" nghĩa là như vậy. Các hiêm họa bởi vì "chúng đưa đên sự suy giảm" nghĩa là thê nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiêm? đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành không đối chọi, đối với sự thực hành đưa đên lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đôi với việc làm đây đủ các giới, đôi với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tỉnh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập bon sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập bốn chánh cần, đối với sự chuyên cần tu tập bốn nền tảriệ của thần thông, đối với sự chuyên cần tu tập năm quyền, đối với sự chuyên cân tu tập năm lực, đôi với sự chuyên cân tu tập bảy yếu tố đưa đến giác ng, đối với sự chuyên cần tu tập đạo lộ Thánh thiện tám chi phần;

chúng đưa đên sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì "chúng đưa đến sự suy giảm" nghĩa là như vậy. Các hiểm họa bởi vì "nơi ấy là chỗ trú" nghĩa là thế nào? "Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật 'có hang là chỗ trú' thì ngụ ở hang, các sinh vật có 'nước là chỗ trú' thì nệụ ở nước, các sinh vật 'có rừng là chỗ trú9 thì ngụ ở rừng, các sinh vật 'có cây coi là chỗ trú' thì ngụ ở cây cối, tương tự y như thế, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khiru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khưu, the nào là vị Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Này các Tỳ-khưu, ở đây, đối với vị Tỳ- khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là 'có học trò5. Chiíng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vi ấy'; vì thế, được gọi là 'có thầy dạy học9. Và thêm nữa, này các Tỳ-khiru9 đối với vị Tỳ-khiru, sau khi nghe âm thanh bằng tai,...(nt)...sau khi ngửi hương bằng mũi,... (nt)... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... (nt).. sau khi xúc chạm bằng thân,... (nt)... sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngự bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là

'có học trò9. Chúng chi phối vị ấy, 'các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy l vì thế, được gọi là 'có thây dạy học9. Này các Tỳ-khưu, quả là như vậy, vi Tỳ-khưu có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ tru^, còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khưu, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Này các Tỳ-khưu, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Này các Tỳ-khưu, sân... (nt)... Này các Tỳ-khmi, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Thật vậy, này các Tỳ-khiru, ba pháp này là các vét nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong." 1. "Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thâu hỉêu sự nguy hiêm ây đã được sanh ra từ bên trong. r 5 2. Người bị khởi tham khônệ biêt được điêu lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thây ly lẽ. Tham không chê người nào, lúc ây có sự mù quáng tôi tăm hiện diện. 3. Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rổi loạn của tâm. Người đời không thau hiếu sự nguy hiếm ấy đã được sanh ra từ bên trong. 4. Người bỉ nóng giận không biêt được điêu lợi ích, người bi nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận khống chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện, 5. Si là sự sanh ra điều không lợi ích, Sỉ là sự rối loạn của tâm. Người đời không thâu hiêu sự nguy hỉêm ây đã được sanh ra từ bên trong. 6. Người bi si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy ly lẽ. Sỉ khổng chế người nào, lúc ẩy

có sự mù quáng tối tăm hiện diện." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp được sanh lên thuộc nội phan; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Ba pháp nào? Tham, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Si, tâu Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâu Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khô đau, sự sống không thoải mái cho con người.^,

20 KINH TIÊU Bộ

7. “Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ỷ xấu xa; tựa như việc kết trải hãm hại cây tre." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú" còn là như vậy. Bởi vì điêu này đã được đức The Ton noi đen: 8. “Luyến ái và sân hận có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này. Ghét, thương, sự rởn lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này. Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này, Tựa như những bé trai buông lơi con quạ [bỉ cột chân bởi sợi chỉ dài]." Các hiểm họa bởi vì "noi ấy là chỗ trú,, còn là như vậy. Ẫ y y 9 Ẩ r l •Â k r Các hiêm họa chà đạp người ây: Các hiêm họa ây không chê, áp chê, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. “Các hiểm họa chà đạp người ấy" là như thế. Do việc ấy khổ đau đi theo người ấy. Do việc ấy: Là do hiểm họa từ việc ấy, khổ đau đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy; khổ sanh đi theo, đi đến gần, đạt đến được; khổ già đi theo, đi đên gân, đạt đên được; khô bệnh đi theo, đi đên gân, đạt đên được; khô chét đi theo, đi đên gân, đạt đên được; khô do sâu-bi-khô-ưu-não đi theo, đi đên gân, đạt đen được; kho ở địa ngục... (nt)... kho ở loài thú... (nt)... kho ở thân phận ngạ quỷ... (nt)... khổ của loài người... (nt).. khổ bắt nguồn từ việc nhập thai... (nt)... khổ bắt nguồn từ việc trụ thai...(lít).. khổ bắt nguồn từ việc ra khỏi thai... (nt)... khổ gắn liền sau khi sanh ra... (nt)... khổ do kẻ khác áp đặt sau khi sanh ra... (nt)... khổ do sự ra sức của bản thân... (nt)... khổ do sự ra sức của kẻ khác... (nt)... khô do [thọ] khô đi theo, đi đên gân, đạt đên được; khô do pháp tạo tác... (nt)... khổ do sự biến đổi... (nt)... bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụt, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mật, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi từ dám, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đôi thời tiêt, bệnh sanh lên vì bôn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiêu tiện, các xúc chạm với môi, muôi, gió, năng và các loài bò sát là khổ... (nt)... cái chết của mẹ là khổ... (nt)... cái chết của cha là khổ... (nt)... cái chết của anh [em] trai là khổ... (nt)... cái chết của chị [em] gái là khổ... (nt)... cái chết của con trai là khổ... (nt)... cái chết của con gái là khổ... (nt).. sự tổn hại về thân quyến là khổ... (nt)... sự tổn hại về của cải là khổ... (nt).. sự tổn hại vì bệnh tật là khổ... (nt)... sự tổn hại

về giới là khổ... (nt)... sự 2 . 5 e r 9 £ "r r * tôn hại vê kiên thức là khô đi theo, đi đên gân, đạt đên được cá nhân ây. “Do việc ấy khổ đau đi theo người ấy" là như thế.

ĐẠI DIỄN GIẢI 21

Tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bi vỡ: Giống như do sự xâm nhập của nước, nước từ chỗ này chỗ khác đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên trên đi theo, đi đến gần, đạt đến được; nước từ bên dưới đi theo, đi đến gn, đạt đến được; nước từ bên hông đi theo, đi đến gần, đạt đến được chiếc thuyên đã bị vỡ; tương tự y như thế, do hiểm họa từ việc này, từ việc khác, khổ đau đi theo, đi đến gần, đạt đến được... (nt)... sự tổn hại về kiến thức là khổ đi theo, đi đến gần, đạt đến được cá nhân ấy. "Tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyền đã bị võf' là như thế. Vì the, đức The Ton đã noi răng: "Các [ô nhiêm] yêu ớt thông tri người ây, các hiêm họa chà đạp người ây; do việc ây khô đau đi theo người ây tựa như nước [tràn vào] chiếc thuyên đã bi vỡ."

1.6 Do đó, người luôn luôn có niệm cỏ thê lảnh xa các dục, sau khỉ dứt bỏ chủnệ thì có the vượt qua dòng nước lũ; tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đen bờ kia. Do đó, người luôn luôn có nỉệm. Do đó: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ây, trong khi nhìn thây rõ sự bát lợi này ở các dqc. "Do đó,9 là như thê. Người: Là chúng sanh, đàn ông, thanh niên, người nam, cá nhân, mạng sống, người còn sanh tử, loài người, người đi theo nghiệp, nhân loại. Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liền lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ. Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: ... (nt)... người ấy được gọi là có niệm. "Do đó, người luôn luôn có niêm” là như thế. Có thể lánh xa các dục. Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục. Có thể lánh xa các dục: Có thể lánh xa các dục bởi hai lý do: Bởi sự đè nén hoặc bởi sự đoạn trừ. The nào là bởi sự đè nén mà lánh xa các dục? Trong khi nhìn thấy "các dục như là đống xương [không còn thịt] với ý nghĩa chút ít hứng thú99 thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là

22 KINH TIỂU Bộ

miêng thịt [bi diêu hâu tha đi] với ý nghĩa vật chung của sô d6ng" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Trong khi nhìn thấy “các dục như là cây đuốc cỏ với ý nghĩa thiêu đốt" thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. ... (nt).. Ngay cả trong khi tu tập sự chứng đạt Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì bởi sự đè nén mà lánh xa các dục. Bởi sự đè nén mà lánh xa các dục là như vậy.... (nt)... Bởi sự đoạn trừ mà lánh xa các đục là như vậy. Sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ. Chúng: Sau khi biết toàn diện về các vật

dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "mong muốn về dvc",... (nt)... pháp che lấp "sân hận,\... (nt)... pháp che lâp "dã dượi buồn (nt).. pháp che lấp "ph6ng dật và hối hān,9; sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua di, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lấp "hoài nghi" thì có thể vượt qua, có thể vượt lên, có thể vượt khỏi, có thể vượt qua hẳn, có thể vượt qua khỏi dòng lũ [ngũ] dục, [dòng lũ của hữu] dòng lũ ta kiên, dòng lũ vô minh. “Sau khi dứt bỏ chúng thì có thể vượt qua dòng nước lũ" là như thế. Tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia: Giống như sau khi tát cạn, sau khi tát sạch, sau khi đổ bỏ nước ra khỏi chiếc thuyền nặng nề chứa đầy nước thì cỏ thể tức thời nhanh chóng đi đến bờ kia bằnệ chiếc thuyền nhẹ nhàng chỉ với chút ít khó nhọc; tương tự như vậy, sau khi biêt toàn diện về các vật dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm dục, sau khi dứt bỏ, sau khi dứt trừ, sau khi xua đi, sau khi làm chấm dứt, sau khi làm cho không còn hiện hữu pháp che lâp "mong muôn vê dục9\... (nt)... pháp che lâp "sân han",... (nt)... pháp che lấp “ddượi buồn ngỉT,... (nt).. Ị)háp che lấp "phóng dật và hối hận9\... pháp che lấp "hoài nghi" thì có thể tức thời nhanh chóng đi đến bờ kia chỉ với chút ít khó nhọc. Bờ kia: Noi đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tạn? Niết-bàn. Có thể đi đến bờ kia: Có thể chứng đắc bờ kia, có thể chạm đến bờ kia, có thể chứng ngộ bờ kia. Pāragū (người đĩ đến bờ kia): Luôn cả người nào có ý muốn đi đến bờ kia, người ấy cũng là pāragū', luôn cả người nào đang đi đến bờ kia, người ấy cũng là pāragū; luôn cả người nào đã đi đến bờ kia, người ấy cũng là pāragū. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: "Này các Tỳ-khim, quả vậy, 'người đã vượt qua, đã đi đến bờ kia, đứng ở đát liên là Bà-la-môn\ tên gọi này là dành cho vị A-la-hán. Vị ấy là pāragū (người đi đến bờ kia) do việc biết rõ? pāragū do việc biết toàn diện, pāragū do

việc dứt bỏ, pāragū do việc tu tập, pāragū do viêc chứng ngộ, pāragū do việc chứng đạt [các thiền]; là pāragū do việc biết rõ tất cả các pháp, pāragū do việc biêt toàn diện tất cả các khổ, pāragū do việc dứt bỏ tất cả các ô nhiễm, pāragū do việc tu tập bốn Thánh đạo, pāragū do việc chứng ngộ sự Tịch diệt, pāragū do việc chứng đạt mọi sự chứng đạt. Vị ấy đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giới; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh định; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh tuệ; đã đạt được năng lực, đã đạt được sự toàn hảo ở Thánh giải thoát. Vị ấy đã đi đến bờ kia, đã đạt đến bờ kia, đã đi đến điểm cuối, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đát đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi tru ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niet-ban, đã đạt

đến Niết-bàn. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành, đã hoàn mãn cuộc hành trình, đã hoàn mãn hướng di, đã đi đến điểm cuối cùng, đã hộ trì Phạm hạnh, đã đạt đến kiến tối thượng, đã tu tập đạo lộ, đã dứt bỏ ô nhiễm, đã thấu triệt sự không chuyển đổi, đã chứng ngộ diệt đế. Đối với vị ấy, khổ đã được biết toàn diện, tập đã được dứt bỏ, đao đã được tu tập, diệt đã được chứng ngộ. Điều cần được biết rõ đã được biết rõ, điều cần được biết toàn diện đã được biết toàn diện. điều cần được dứt bỏ đã được dứt bỏ, điêu cân được tu tập đã được tu tập, điêu cân được chứng ngộ đã được chứng ngộ. Vị ấy đã hất tung rào chắn [vô minh], đã san lấp mương rãnh [luân hồi tái sanh], đã nhổ lên cột trụ [tham ái], không còn chốt cửa, là thánh thiện, đã hạ xuống ngọn cờ [ngã mạn], đã đặt xuông gánh nặng, đã tháo khỏi ách, đã dứt bỏ hẳn ngũ dục, đã thành tựu sáu căn, có một sự bảo hộ [niệm], có bốn sự nâng đỡ,5 đã xua đi sự độc đoán, có sự tầm câu đã được hoàn toàn cởi bỏ, có tâm tư không bị xáo trộn, có thân hành đã được an tịnh, có tâm khéo được giải thoát, có tuệ khéo được giải thoát, có sự toàn hảo, đã được hoàn mãn, là con người tối thượng, con người tột đỉnh, đã đạt được sự thành đạt tột đỉnh. Vi ấy không tích lũy [nghiệp] cũng không loại trừ, tồn tại sau khi đã loại trừ [ô nhiễm]; không dứt bỏ [ô nhiễm] cũng không chấp thủ, tồn tại sau khi đã dứt bỏ; không tư kết nối [tham ái] cũng không tháo gỡ, tồn tại sau khi đã tháo gỡ; Idiông dập tắt [lửa phiền não] cũng không đốt cháy, tồn tại sau khi đã dập tát; tôn tại với trạng thái đã được thành tựu vê giới uẩn của bậc Vô học, tồn tại với trạng thái đã được thành tựu về định uẩn của bậc Vô học, về tuệ uẩn của bậc Vô hoe, về giải thoát uẩn của bậc Vô học, về giải thoát tri kiến uẩn6 của bậc Vô học; tồn tại sau khi đã thấu suốt chân lý; tồn tại sau khi đã vượt qua hẳn dục

5 Bốn sự nâng đỡ (caturāpasseno): Tỳ-khưu sau khi suy xét rồi thọ dụng, sau khi suy xét rồi chiu đựng, sau khi suy xét rồi tránh xa, sau ỉdií suy xét rồi xua d&6i" (D. 33, Sañgitisuttani). 6 Vimuttiñānadassana được chúng tôi ghi nghĩa là "tri kiến về giải thoSt” hoặc "sự biết và thấy về giải thoát.,^ Trường hợp liên kết với từ khandha n, khối, đống) như ở trên, vimwttiñanadassanakkhandha (tập hợp sự biêt và thấy về giải thoát) được ghi nghĩa là "gi thoát tri kiến uẩn,9. (ND)

vọng; tôn tại sau khi đã trân áp lửa phiên não; tôn tại do không xoay vòng [ở luân hồi]; tồn tại sau khi đã thọ trì lời giảng; tồn tại do thân cận với giải thoát; tồn tại với sự thanh tinh của từ; tồn tại với sự thanh tịnh của bi, của hỷ, của xả; tồn tại với sự thanh tịnh tột cùng; tồn tại với sự thanh tịnh của trạng thái không còn tham ái, tà kiến và ngã mạn; tồn tại với trạng thái đã được giải thoát, tồn tại với trạng thái đã được hài lòng; tồn tại trong giai đoạn cuối của các uẩn; tồn tại trong giai đoạn cuối của các giới; tồn tại trong giai đoạn cuối của các xứ; tồn tại trong giai đoạn cuối của cảnh giới tái sanh; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự tái sanh; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự nối liền tái sanh; [tồn tại trong giai đoạn cuối của hiện hữu] tồn tại trong giai đoạn cuối của luân hồi; tồn tại trong giai đoạn cuối của sự luân chuyển; tồn tại trong kiếp sống cuối cùng; tồn tại trong thân xác cuối cùng, với việc duy trì thân xác cuối cùng, là vị A-la-hán?9 uĐối với vị ấy, đây là lần cuối cùng, thân xác này là sau chót, Việc sanh tử luân hồi, việc

sanh ra lần nữa không có đối với vi ấy"; "Tựa như sau khi tát cạn chiếc thuyền, là người đi đến bờ kia" là như thế. r \ Vì the, đức The Ton đã noi răng: “Do đó, người luôn luôn có niệm có thể lánh xa các dục, sau khi dứt bỏ chúng thì có the vượt qua dòng nước lũ, tựa như sau khỉ tát cạn chiếc thuyền, là người đi đen bờ kia." 6íDiễn giải kỉnh về dục” được đầy đủ Phần thứ nhất.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.